SAO Y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố; 17/12/2021; 18:11:51 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
Số: 19 /2021/NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 196/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 152/BC-KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2022 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị do thành phố quản lý.

b) Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

1. Đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn thành phố; ưu tiên bố trí kinh phí cho các lĩnh vực quan trọng.

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2022, Kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm giai đoạn 2022 - 2024, Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố giai đoạn 2021 - 2025. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết của Quốc hội. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu ngân sách Nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, địa phương, đơn vị. Đảm bảo tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách Nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch, thúc đẩy cải cách hành chính; phù hợp với Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

5. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách Nhà nước. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các cơ quan, địa phương, đơn vị với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài.

6. Sử dụng tiêu chí dân số kết hợp các tiêu chí bổ sung trên cơ sở tính chất, đặc điểm của từng lĩnh vực, từng địa phương để phân bổ dự toán chi ngân sách phù hợp với thực tế và đặc thù từng địa phương.

7. Kế thừa những kết quả đã đạt được của hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 (giai đoạn 2017-2020, kéo dài đến hết năm 2021), định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và áp dụng để tính toán dự toán chi ngân sách năm 2022, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành đến thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và kinh phí thực hiện một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa).

8. Đảm bảo định mức mới phân bổ cho các cơ quan, địa phương, đơn vị không thấp hơn dự toán chi ngân sách năm 2021, có mức tăng hợp lý so với giai đoạn trước; đồng thời phải đảm bảo phù hợp với tốc độ tăng thu ngân sách hàng năm và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

1. Tiêu chí: Ngoài tiêu chí dân số (dân số của các quận, huyện trên địa bàn thành phố được xác định theo số liệu dân số do Cục Thống kê thành phố Hải Phòng cung cấp), sử dụng kết hợp các tiêu chí bổ sung để xác định dự toán chi thường xuyên, gồm:

a) Tiêu chí số biên chế được Ủy ban nhân dân thành phố giao, là cơ sở để tính lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và chi nghiệp vụ trong tổng chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

b) Tiêu chí số đơn vị hành chính (số xã, phường, thị trấn) và loại đơn vị hành chính cấp xã (loại I, loại II, loại III). Phân loại đơn vị hành chính cấp xã được xác định trên quy mô dân số, diện tích tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế xã hội và các yếu tố đặc thù theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/ UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

c) Tiêu chí căn cứ trên nhiệm vụ đặc thù của từng địa phương

c1) Nhiệm vụ về môi trường đối với các quận, huyện có khu, cụm công nghiệp; khu, điểm du lịch.

c2) Nhiệm vụ về văn hóa, xã hội đối với các quận, huyện có khu di tích lịch sử văn hóa; lễ hội; khu, điểm du lịch.

c3) Nhiệm vụ liên quan đến ngành, nghề, lĩnh vực đặc thù.

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

Bao gồm tất cả các lĩnh vực được phân cấp nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo phân cấp. Cụ thể:

a) Định mức phân bổ chi thường xuyên đối với các cơ quan, đơn vị do thành phố quản lý bao gồm: Định mức chi quản lý hành chính Nhà nước; định mức chi thường xuyên hoạt động sự nghiệp: Giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa - thông tin, thể dục thể thao, khoa học công nghệ, đảm bảo xã hội, kinh tế, môi trường và quốc phòng - an ninh.

b) Định mức phân bổ chi thường xuyên đối với ngân sách các quận, huyện trong các lĩnh vực: Chi quản lý hành chính; chi thường xuyên hoạt động sự nghiệp: Giáo dục, đào tạo và dạy nghề, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, trẻ em, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, phát thanh - truyền hình, đảm bảo xã hội, kinh tế, bảo vệ môi trường và quốc phòng - an ninh.

c) Định mức phân bổ chi thường xuyên đối với ngân sách các xã, phường, thị trấn trong các lĩnh vực: Chi quản lý hành chính; chi thường xuyên hoạt động sự nghiệp: Giáo dục, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, phát thanh - truyền thanh, đảm bảo xã hội, kinh tế, bảo vệ môi trường và quốc phòng - an ninh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức và chỉ đạo các cấp, các ngành, các đơn vị và các địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 153/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ TC; Vụ Pháp chế (Bộ TC);
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐB QH TP; UB MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐNDTP khóa XVI;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP; KBNN TP;
- Các QU/HU; TTHĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP Đoàn ĐBQH và HĐNDTP;
- Công báo HP; Cổng TTĐTTP (để đăng);
- Báo HP, Đài PTTH HP,
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Lập

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

QUY ĐỊNH
Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 09./2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố)

CHƯƠNG I
ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ DO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ

Điều 1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể

1. Định mức cụ thể theo mô hình hoạt động và quy mô biên chế của các cơ quan hành chính, Đảng và đoàn thể như sau:

Đơn vị: triệu đồng/biên chế/năm

Nội dung	Định mức phân bổ năm 2022
1.1. Cơ quan quản lý hành chính:	
- Dưới 50 biên chế:	48
- Từ 50 biên chế đến dưới 100 biên chế:	44
- Từ 100 biên chế trở lên:	40
1.2. Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:	**81**
1.3. Ban Tổ chức Thành ủy, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố:	**61**

a) Định mức phân bổ trên bao gồm các nhóm nội dung chi sau:

a1) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan (đã bao gồm tiền thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị phí, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu,...).

a2) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (đã bao gồm chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành,

lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật,...).

a3) Các khoản kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản.

b) Định mức phân bổ trên không bao gồm các nhóm nội dung chi sau:

b1) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất tiền lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tính theo quy định hiện hành.

b2) Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của từng cơ quan, đơn vị; chi hoạt động của các Ban Chỉ đạo.

b3) Các khoản chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản công; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo tiêu chuẩn định mức quy định theo khả năng cân đối ngân sách.

b4) Chi hỗ trợ để đảm bảo bổ sung thu nhập tăng thêm tối đa một lần lương đối với các Văn phòng: Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đối với chi chuyên môn nghiệp vụ, các chế độ, mức chi phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo với Sở Tài chính số biên chế công chức, số người làm việc của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và dự kiến biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương ngân sách của năm sau theo Đề án Biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trình Hội đồng nhân dân thành phố, làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm kế hoạch trước ngày 15/9 năm trước.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Căn cứ định mức chi tại khoản 1 Điều này, số biên chế được giao và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này để tính dự toán ngân sách.

Các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí theo quy định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

Điều 2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Định mức chi sự nghiệp giáo dục áp dụng cho các trường phổ thông trung học và các trường chuyên biệt, trường điểm do thành phố quản lý

a) Định mức phân bổ theo quỹ lương và chi khác

a1) Tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 81%.

a2) Tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 19%.

a3) Riêng các trường phổ thông trung học thuộc huyện đảo Cát Hải tỷ lệ tổng quỹ lương phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa là 77% và chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 23%.

b) Định mức phân bổ bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ; mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ thường xuyên; không bao gồm các nội dung chi sau: Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non, kinh phí miễn, giảm, hỗ trợ học phí theo quy định của Trung ương và thành phố, kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân giao,...

3. Đối với các trường trung học phổ thông ngoài công lập

a) Ngân sách thành phố thực hiện cấp bù học phí cho các đối tượng được miễn, giảm, hỗ trợ học phí theo số lượng người học thực tế và mức thu học phí (giá dịch vụ đào tạo) của các trường công lập. Đối tượng được miễn, giảm, hỗ trợ học phí theo quy định của Trung ương và thành phố; các trường chịu trách nhiệm công khai chế độ và đảm bảo việc thực hiện miễn, giảm, hỗ trợ học phí theo đúng quy định.

b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về hỗ trợ nâng cao năng lực dạy học tại các trường ngoài công lập trong dự toán ngân sách hàng năm.

Điều 3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ

nguồn thu phí của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước, cụ thể:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp có số thu chiếm dưới 10% tổng dự toán chi theo chế độ: Ngân sách cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 110 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp có số thu chiếm trên 10% tổng dự toán chi theo chế độ: căn cứ lộ trình điều chỉnh mức học phí trong lĩnh vực đào tạo theo quy định hiện hành để xác định mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị này.

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về số kinh phí bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

3. Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ.

4. Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị thuộc sự nghiệp đào tạo không bao gồm các khoản chi sau: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân giao; kinh phí thực hiện đào tạo lại, kinh phí phổ cập nghề, kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn, miễn, giảm học phí và hỗ trợ sinh hoạt phí cho sinh viên sư phạm,... Đối với các trường đào tạo hoạt động mang tính chất khu vực được bổ sung thêm kinh phí để thực hiện công tác đào tạo. Mức hỗ trợ cụ thể được căn cứ vào mức hỗ trợ của Trung ương và tình hình thực tế hoạt động của đơn vị để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định trong phương án phân bổ chi ngân sách địa phương hàng năm.

5. Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, nội dung hoạt động: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt mức độ tự chủ chi thường xuyên, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định mức kinh phí ngân sách hỗ trợ.

Điều 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1.Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi nguồn

thu phí của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước, cụ thể:

a) Đối với các bệnh viện tuyến thành phố, bệnh viện tuyến huyện: căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định thống nhất về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc; căn cứ lộ trình thực hiện giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp, phụ cấp đặc thù và tiền lương để xác định mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị này.

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về số kinh phí bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

b) Đối với Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ, các Trung tâm y tế, trạm y tế, các Trung tâm chuyên khoa,...:

Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 110 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

3. Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ.

4. Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị thuộc sự nghiệp y tế không bao gồm các các nội dung chi sau: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân giao,...; Các hoạt động về y tế dự phòng, dân số - kế hoạch hóa gia đình, an toàn vệ sinh thực phẩm,... căn cứ chương trình, đề án được duyệt và khả năng cân đối ngân sách địa phương để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định trong phương án phân bổ chi ngân sách hàng năm.

5. Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, nội dung hoạt động: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt mức độ tự chủ chi thường xuyên, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định mức kinh phí ngân sách hỗ trợ.

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin

1. Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ

nguồn thu phí của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 110 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

3. Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ.

4. Kinh phí giao tự chủ đối với sự nghiệp văn hóa - thông tin không bao gồm các nội dung chi sau: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân giao,...; kinh phí hỗ trợ chiếu phim ngoại thành, thông tin lưu động, hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học, nghệ thuật và các nhiệm vụ đặc thù khác.

5. Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, nội dung hoạt động: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt mức độ tự chủ chi thường xuyên, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định mức kinh phí ngân sách hỗ trợ.

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao

1. Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu phí của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 110 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ.

Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị khối sự nghiệp thể dục thể thao không bao gồm các nội dung chi sau: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, các

nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân giao,...; kinh phí đào tạo vận động viên; kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng cho vận động viên.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách để đảm bảo các nội dung trên được căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế hoạt động của đơn vị để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm.

4. Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, nội dung hoạt động: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt mức độ tự chủ chi thường xuyên, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định mức kinh phí ngân sách hỗ trợ.

Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

1. Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Ngân sách cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 110 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ; không bao gồm các khoản chi: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân giao,...

2. Kinh phí chi cho công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học được căn cứ vào các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học đã được cấp có thẩm quyền duyệt và tổng mức chi theo hướng dẫn của Trung ương và khả năng bố trí của ngân sách địa phương cho sự nghiệp khoa học trên toàn địa bàn trừ đi kinh phí đã phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, nội dung hoạt động: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt mức độ tự chủ chi thường xuyên, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định mức kinh phí ngân sách hỗ trợ.

Điều 8. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

1. Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Ngân sách nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 110 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền

lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ; không bao gồm các khoản chi: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân giao,...

2. Đối với các đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù như: Bảo trợ xã hội, cơ sở nuôi dưỡng tập trung,...; ngân sách Nhà nước bổ sung kinh phí chi chế độ chính sách cho đối tượng, chi phí điện, nước,... và các chế độ chính sách đặc thù cho người lao động (chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương; các khoản chi đặc thù cho người lao động, tiền ăn của đối tượng,...).

3. Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của Trung ương và thành phố; kinh phí thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội của thành phố như: Chính sách cho người nghèo, người cao tuổi,... theo tiêu chuẩn của địa phương được đảm bảo theo quy định. Kinh phí thực hiện các chương trình an sinh và mục tiêu xã hội khác của thành phố bố trí theo nhiệm vụ được giao, phù hợp khả năng của ngân sách địa phương.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Khối nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, địa chính

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Ngân sách nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 110 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng /tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

b) Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ; không bao gồm các khoản chi: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố giao,...

c) Kinh phí ngân sách hỗ trợ cho một số đối tượng hoạt động không chuyên trách ở cơ sở trong lĩnh vực này như sau: Cán bộ khuyến nông, khuyến

ngư áp dụng định mức 78 triệu đồng/người/năm (Bao gồm chi chế độ cho người lao động và hỗ trợ kinh phí hoạt động).

d) Kinh phí thực hiện miễn thu thủy lợi phí được xác định trên diện tích tưới tiêu và được tính toán theo quy định hiện hành.

đ) Các chương trình phát triển nông nghiệp, thủy sản, thủy lợi, địa chính, trong đó ưu tiên tập trung thực hiện các nội dung và mục tiêu theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành cho ngành, lĩnh vực: Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định trong phương án phân bổ ngân sách thành phố.

2. Khối giao thông, thị chính

Đối với các đơn vị thực hiện dịch vụ công ích: Mức kinh phí ngân sách cấp theo khối lượng, đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Đối với các đơn vị thực hiện dịch vụ công ích: Mức kinh phí ngân sách cấp theo khối lượng, đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp khác: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 110 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: Tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ; không bao gồm các khoản chi: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù, thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân giao,...

Điều 11. Định mức phân bổ chi an ninh, quốc phòng

1. Ngân sách đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh được phân cấp cho ngân sách thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ và các chế độ chính sách theo quy định do ngân sách thành phố đảm nhiệm.

2. Các khoản chi khác căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối của ngân sách thành phố.

CHƯƠNG II
ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI CÁC QUẬN, HUYỆN, XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 12. Định mức phân bổ ngân sách cấp huyện

1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính

a) Định mức phân bổ theo biên chế

a1) Khối cơ quan Đảng, đoàn thể

Đơn vị	Định mức phân bổ (Tổng chi sự nghiệp)
Văn phòng, các Ban và Đoàn thể	- Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa là 80%.
	- Chi khác tối thiểu là 20%.

a2) Khối cơ quan quản lý hành chính nhà nước (bao gồm cả Hội đồng nhân dân)

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên khối cơ quan quản lý hành chính được xác định gồm:

- Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp) theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng.

- Chi hành chính, nghiệp vụ theo mức tối thiểu 26 triệu đồng/biên chế/năm.

Riêng huyện Cát Hải đảm bảo chi hành chính, nghiệp vụ theo mức tối thiểu 32 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Định mức phân bổ tiêu chí bổ sung theo đơn vị hành chính cho lĩnh vực chi của các khối Đảng, đoàn thể, quản lý hành chính, Hội đồng nhân dân (bao gồm cả kinh phí khen thưởng):

b1) Quận Hồng Bàng: 3.350 triệu đồng/năm
b2) Quận Lê Chân: 3.350 triệu đồng/năm
b3) Quận Ngô Quyền: 3.350 triệu đồng/năm
b4) Quận Kiến An: 3.350 triệu đồng/năm
b5) Quận Hải An: 3.350 triệu đồng/năm
b6) Quận Dương Kinh: 3.100 triệu đồng/năm
b7) Quận Đồ Sơn: 3.100 triệu đồng/năm
b8) Huyện Cát Hải: 3.850 triệu đồng/năm
b9) Huyện Thủy Nguyên: 4.350 triệu đồng/năm
b10) Huyện Vĩnh Bảo: 4.350 triệu đồng/năm

b11) Huyện An Dương: 3.800 triệu đồng/năm
b12) Huyện Tiên Lãng: 3.800 triệu đồng/năm
b13) Huyện An Lão: 3.800 triệu đồng/năm
b14) Huyện Kiến Thụy: 3.800 triệu đồng/năm

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Định mức phân bổ theo quỹ lương và chi khác

Đơn vị	Định mức phân bổ (Tổng chi sự nghiệp)
Các trường THCS, Tiểu học, Mầm non	- Tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 81%.
	- Tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 19%.

Riêng huyện Cát Hải tỷ lệ tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa là 77% và chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 23%.

Định mức trên bao gồm: chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ bản 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi nghiệp vụ chuyên môn; mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ thường xuyên.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

b1) Huyện Vĩnh Bảo: 650 triệu đồng/năm
b2) Huyện Thủy Nguyên: 650 triệu đồng/năm
b3) Huyện Cát Hải: 650 triệu đồng/năm
b4) Huyện Tiên Lãng: 520 triệu đồng/năm
b5) Huyện An Lão: 520 triệu đồng/năm
b6) Huyện Kiến Thụy: 520 triệu đồng/năm
b7) Huyện An Dương: 520 triệu đồng/năm
b8) Quận Hồng Bàng: 520 triệu đồng/năm
b9) Quận Ngô Quyền: 520 triệu đồng/năm
b10) Quận Lê Chân: 520 triệu đồng/năm
b11) Quận Hải An: 520 triệu đồng/năm
b12) Quận Kiến An: 520 triệu đồng/năm
b13) Quận Dương Kinh: 520 triệu đồng/năm
b14) Quận Đồ Sơn: 520 triệu đồng/năm

c) Định mức chưa bao gồm một số chế độ chính sách được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, bao gồm: Kinh phí thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non, kinh phí miễn, giảm, hỗ trợ học phí theo quy định của Trung ương và thành phố, kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật, kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế tự nguyện cho giáo viên mầm non có thời gian công tác trước năm 1995 theo Quyết định 45/2011/QĐ-TTg,...

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Định mức phân bổ theo quỹ lương và chi khác

a1) Khối các Trung tâm dạy nghề và Giáo dục thường xuyên

Đơn vị	Định mức phân bổ (Tổng chi sự nghiệp)
Các Trung tâm dạy nghề và Giáo dục thường xuyên	- Tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 85%.
	- Tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 15%.

- Riêng huyện Cát Hải tỷ lệ tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa là 80% và chi khác tối thiểu là 20%.

- Định mức trên bao gồm: Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ bản 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi nghiệp vụ chuyên môn.

a2) Khối các Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị

Đơn vị	Định mức phân bổ (Tổng chi sự nghiệp)
Các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	- Tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 80%.
	- Tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 20%.

- Riêng huyện Cát Hải tỷ lệ tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa là 78% và chi khác tối thiểu là 22%.

- Định mức trên bao gồm: Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công

đoàn) theo mức lương cơ bản 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi nghiệp vụ chuyên môn.

b) Kinh phí đào tạo được phân bổ theo chương trình đào tạo của thành phố.

4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và Kế hoạch hóa gia đình

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Định mức phân bổ theo biên chế khối các Trung tâm Dân số và Kế hoạch hóa gia đình:

Khối các Trung tâm Dân số và Kế hoạch hóa gia đình: 104 triệu đồng/biên chế/năm.

Định mức trên bao gồm: Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ bản 1.490.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi nghiệp vụ chuyên môn. Trường hợp tỷ lệ chi lương lớn, ngân sách bổ sung và đảm bảo mức chi hành chính, nghiệp vụ (không kể chi lương và các khoản có tính chất lương) theo mức tối thiểu 23 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Các nhiệm vụ về y tế, dân số, gia đình, trẻ em theo phân cấp cho quận, huyện: 130 triệu đồng/quận, huyện/năm.

c) Các chương trình về nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng,... thực hiện theo chương trình, đề án được duyệt.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền thanh

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

a) Sự nghiệp văn hóa, thông tin:

a1) Định mức phân bổ theo dân số:

- Quận Hồng Bàng: 7.800 đồng/người/năm
- Quận Lê Chân: 7.800 đồng/người/năm
- Quận Ngô Quyền: 7.800 đồng/người/năm
- Quận Hải An: 10.700 đồng/người/năm
- Quận Dương Kinh: 10.700 đồng/người/năm
- Quận Kiến An: 10.700 đồng/người/năm
- Quận Đồ Sơn: 10.700 đồng/người/năm

- Huyện Cát Hải: 21.100 đồng/người/năm
- Huyện Thủy Nguyên: 8.500 đồng/người/năm
- Huyện Vĩnh Bảo: 8.500 đồng/người/năm
- Huyện Tiên Lãng: 8.500 đồng/người/năm
- Huyện An Lão: 8.500 đồng/người/năm
- Huyện Kiến Thụy: 8.500 đồng/người/năm
- Huyện An Dương: 8.500 đồng/người/năm

Đối với các quận Đồ Sơn, Dương Kinh được phân bổ thêm 20% so với định mức nêu trên.

Trường hợp tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương lớn, ngân sách bổ sung và đảm bảo chi nghiệp vụ tối thiểu là 180 triệu đồng/đơn vị/năm.

a2) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Chi cho các Đội thông tin lưu động

+ Quận Hồng Bàng: 200 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Lê Chân: 200 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Ngô Quyền: 200 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Hải An: 200 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Kiến An: 200 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Đồ Sơn: 200 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Dương Kinh: 200 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện Tiên Lãng: 300 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện An Lão: 300 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện Kiến Thụy: 300 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện An Dương: 300 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện Cát Hải: 400 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện Thủy Nguyên 400 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện Vĩnh Bảo: 400 triệu đồng/đội/năm

- Huyện Cát Hải (có khu du lịch Quốc gia theo Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013): Cân đối hỗ trợ khi có định mức của Trung ương.

b) Sự nghiệp thể dục thể thao

b1) Định mức phân bổ theo dân số

+ Quận Hồng Bàng: 6.600 đồng/người/năm

+ Quận Lê Chân: 6.600 đồng/người/năm
+ Quận Ngô Quyền: 6.600 đồng/người/năm
+ Quận Hải An: 7.900 đồng/người/năm
+ Quận Dương Kinh: 7.900 đồng/người/năm
+ Quận Kiến An: 7.900 đồng/người/năm
+ Quận Đồ Sơn: 7.900 đồng/người/năm
+ Huyện Cát Hải: 15.500 đồng/người/năm
+ Huyện Vĩnh Bảo: 6.600 đồng/người/năm
+ Huyện Tiên Lãng: 6.600 đồng/người/năm
+ Huyện An Lão: 6.600 đồng/người/năm
+ Huyện Kiến Thụy: 6.600 đồng/người/năm
+ Huyện An Dương: 6.600 đồng/người/năm
+ Huyện Thủy Nguyên: 6.600 đồng/người/năm

b2) Trường hợp tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương lớn, ngân sách bổ sung và đảm bảo chi nghiệp vụ tối thiểu là 180 triệu đồng/đơn vị/năm.

c) Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh

c1) Định mức phân bổ theo đơn vị đài

+ Quận Hải An: 600 triệu đồng/năm
+ Quận Kiến An: 600 triệu đồng/năm
+ Quận Đồ Sơn: 600 triệu đồng/năm
+ Huyện Cát Hải: 1.100 triệu đồng/năm
+ Huyện Thủy Nguyên: 800 triệu đồng/năm
+ Huyện Vĩnh Bảo: 800 triệu đồng/năm
+ Huyện Tiên Lãng: 680 triệu đồng/năm
+ Huyện An Lão: 680 triệu đồng/năm
+ Huyện Kiến Thụy: 680 triệu đồng/năm
+ Huyện An Dương: 680 triệu đồng/năm

c2) Định mức phân bổ theo cụm đài lẻ tiếp sóng cho các vùng lõm, vùng núi: 330 triệu đồng/năm.

c3) Trường hợp tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương lớn, ngân sách bổ sung đảm bảo chi nghiệp vụ tối thiểu là 180 triệu đồng/quận,

huyện/năm (riêng cụm đài lẻ tiếp sóng cho các vùng lõm, vùng núi là 260 triệu đồng/quận, huyện/năm, huyện Cát Hải là 320 triệu đồng/năm).

6. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

a) Định mức phân bổ cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, kinh phí tặng quà cho các đối tượng chính sách,...:

- Quận Hồng Bàng: 1.000 triệu đồng/năm
- Quận Lê Chân: 1.000 triệu đồng/năm
- Quận Ngô Quyền: 1.000 triệu đồng/năm
- Quận Hải An: 900 triệu đồng/năm
- Quận Dương Kinh: 900 triệu đồng/năm
- Quận Kiến An: 900 triệu đồng/năm
- Quận Đồ Sơn: 900 triệu đồng/năm
- Huyện Thủy Nguyên: 1.200 triệu đồng/năm
- Huyện Vĩnh Bảo: 1.200 triệu đồng/năm
- Huyện Kiến Thụy: 1.000 triệu đồng/năm
- Huyện Tiên Lãng: 1.000 triệu đồng/năm
- Huyện An Lão: 1.000 triệu đồng/năm
- Huyện An Dương: 1.000 triệu đồng/năm
- Huyện Cát Hải: 1.000 triệu đồng/năm

b) Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách và các chính sách, chương trình an sinh xã hội khác bố trí theo nhiệm vụ được phân cấp.

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

a) Định mức phân bổ cho các nhiệm vụ phát triển nông lâm, thủy lợi, thủy sản, địa chính, công tác phòng chống lụt bão,...

- Quận Hồng Bàng: 650 triệu đồng/năm
- Quận Lê Chân: 650 triệu đồng/năm
- Quận Ngô Quyền: 650 triệu đồng/năm
- Quận Dương Kinh: 650 triệu đồng/năm
- Quận Hải An: 1.550 triệu đồng/năm
- Quận Kiến An: 650 triệu đồng/năm
- Quận Đồ Sơn (gồm cả Đội cấp cứu biển thuộc Trung tâm dịch vụ và Phát triển du lịch): 1.550 triệu đồng/năm
- Huyện Thủy Nguyên: 1.950 triệu đồng/năm
- Huyện Vĩnh Bảo: 1.950 triệu đồng/năm
- Huyện Cát Hải (gồm cả Trạm khuyến Nông - lâm - ngư nghiệp): 2.600 triệu đồng/năm

- Huyện Tiên Lãng: 1.550 triệu đồng/năm
- Huyện An Dương: 1.550 triệu đồng/năm
- Huyện An Lão: 1.550 triệu đồng/năm
- Huyện Kiến Thụy: 1.550 triệu đồng/năm

b) Định mức phân bổ cho nhiệm vụ quản lý đô thị và đảm bảo an toàn giao thông

- Quận Hồng Bàng: 1.550 triệu đồng/năm
- Quận Ngô Quyền: 1.550 triệu đồng/năm
- Quận Lê Chân: 1.550 triệu đồng/năm
- Quận Kiến An: 1.550 triệu đồng/năm
- Quận Hải An: 1.550 triệu đồng/năm
- Quận Đồ Sơn: 1.050 triệu đồng/năm
- Quận Dương Kinh: 1.050 triệu đồng/năm
- Huyện Thủy Nguyên: 1.950 triệu đồng/năm
- Huyện Vĩnh Bảo: 1.950 triệu đồng/năm
- Huyện Cát Hải: 1.950 triệu đồng/năm
- Huyện Tiên Lãng: 1.300 triệu đồng/năm
- Huyện An Lão: 1.300 triệu đồng/năm
- Huyện Kiến Thụy: 1.300 triệu đồng/năm
- Huyện An Dương: 1.300 triệu đồng/năm

c) Định mức phân bổ cho nhiệm vụ đảm bảo công tác duy tu, bảo dưỡng đường bộ

- Huyện Thủy Nguyên: 1.950 triệu đồng/năm
- Huyện Vĩnh Bảo: 1.950 triệu đồng/năm
- Huyện Cát Hải: 1.950 triệu đồng/năm
- Huyện Tiên Lãng: 1.550 triệu đồng/năm
- Huyện An Lão: 1.550 triệu đồng/năm
- Huyện Kiến Thụy: 1.550 triệu đồng/năm
- Huyện An Dương: 1.550 triệu đồng/năm

d) Các nội dung và nhiệm vụ chi khác (Chương trình nạo vét nội đồng, cấp bù thủy lợi phí, hỗ trợ tiền điện chiếu sáng công trình nông thôn mới kiểu mẫu,...) thực hiện theo quy định hiện hành và chương trình của thành phố, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của thành phố.

8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

a) Định mức phân bổ theo đơn vị quận, huyện: hỗ trợ xử lý và vận chuyển rác thải nông thôn, kinh phí vận hành lò đốt rác,... trên địa bàn huyện và hỗ trợ các xã thuộc huyện

- Quận Hồng Bàng: 300 triệu đồng/năm

- Quận Ngô Quyền:	300 triệu đồng/năm
- Quận Lê Chân:	300 triệu đồng/năm
- Quận Kiến An:	300 triệu đồng/năm
- Quận Dương Kinh:	3.000 triệu đồng/năm
- Quận Đồ Sơn:	1.200 triệu đồng/năm
- Quận Hải An:	1.200 triệu đồng/năm
- Huyện An Dương:	8.100 triệu đồng/năm
- Huyện Kiến Thụy:	5.000 triệu đồng/năm
- Huyện Tiên Lãng:	6.000 triệu đồng/năm
- Huyện An Lão:	5.500 triệu đồng/năm
- Huyện Thuỷ Nguyên:	10.000 triệu đồng/năm
- Huyện Vĩnh Bảo:	7.000 triệu đồng/năm
- Huyện Cát Hải:	5.000 triệu đồng/năm

b) Đối với một số địa bàn tập trung các khu, cụm công nghiệp, khu vực có khai thác khoáng sản; các quận, huyện được thành phố giao thêm nhiệm vụ: căn cứ nhiệm vụ, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, bố trí kinh phí cho các quận, huyện để thực hiện các nhiệm vụ về môi trường.

9. Định mức phân bổ chi an ninh, quốc phòng

a) Định mức phân bổ theo dân số cho các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng phân cấp cho quận, huyện bao gồm:

a1) Các khoản chi hỗ trợ cho công tác an ninh, công tác quốc phòng địa phương, tuyển quân

- Huyện đảo Cát Hải: 33.200 đồng/người/năm.

- Các quận, huyện có dân số dưới 50.000 người: 15.600 đồng/người/năm.

- Các quận, huyện có dân số từ trên 50.000 người đến dưới 100.000 người: 10.200 đồng/người/năm.

- Các quận, huyện có dân số từ 100.000 người trở lên: 7.800 đồng/người/năm.

a2) Bổ sung nhiệm vụ chi phòng cháy, chữa cháy: Các quận, huyện: Thủy Nguyên, Kiến An, An Lão, Cát Hải, Đồ Sơn: 700 triệu đồng/đơn vị/năm (bao gồm cả phòng, chống cháy rừng); Các quận, huyện: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Dương Kinh, Hải An, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, An Dương: 500 triệu đồng/đơn vị/năm.

a3) Bổ sung nhiệm vụ chi giáo dục quốc phòng và đảm bảo chế độ cho lực lượng dự bị động viên,... theo quy định và khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

b) Kinh phí đảm bảo chế độ cho lực lượng dân quân tự vệ do ngân sách thành phố đảm bảo. Các quận, huyện có tổ chức diễn tập phòng thủ được ngân sách thành phố hỗ trợ theo quy mô, tính chất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách thành phố hàng năm.

10. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên khác

Được xác định trên cơ sở tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức phân bổ, nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách (0,5% tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức phân bổ).

Điều 13. Định mức phân bổ ngân sách cấp xã

Đơn vị tính: triệu đồng/đơn vị/năm

Lĩnh vực chi	Cấp xã loại III	Cấp xã loại II	Cấp xã loại I
1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể:			
a) Đảng: Ngân sách phân bổ vào dự toán hàng năm cho công tác chi hoạt động Đảng cơ sở (theo Quyết định 99-QĐ/TW) theo đối tượng thực tế.			
b) Hội đồng nhân dân: Ngân sách phân bổ dự toán hàng năm căn cứ vào chế độ và định mức chi theo quy định hiện hành.			
c) Ủy ban nhân dân (bao gồm kinh phí khen thưởng):	240	270	300
d) Đoàn thể (Bao gồm kinh phí đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã):	100	110	120
Đối với xã, phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân: *- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh: Tính riêng và bố trí trong dự toán ngân sách cấp xã hàng năm.*	80	88	96
đ) Cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố: Tính riêng và bố trí trong dự toán ngân sách cấp xã hàng năm.			
2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục (Hỗ trợ các Trung tâm học tập cộng đồng...):	39	39	39
3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế (Hỗ trợ các nhiệm vụ y tế, y tế dự phòng...):	26	33	39
4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá thông tin:	39	46	52
5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao:	26	33	39
6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh:	26	33	39

7. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội (Chi thăm hỏi các gia đình chính sách, trợ giúp xã hội, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, công tác phòng, chống bạo lực gia đình,..): *- Kinh phí tặng quà người cao tuổi, chế độ trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc: Tính riêng và bố trí trong dự toán ngân sách cấp xã hàng năm.*	46	52	59
8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:			
a) Nông, lâm nghiệp, thủy sản (Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm,…):			
- Các phường thuộc quận: Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền:	*13*	*13*	*13*
- Các phường thuộc quận: Hải An, Kiến An, Đồ Sơn, Dương Kinh và các thị trấn thuộc huyện:	*26*	*26*	*26*
- Các xã thuộc huyện:	*39*	*52*	*65*
b) Giao thông thị chính (đảm bảo an toàn giao thông, điện chiếu sáng các xã,...):			
- Các phường thuộc quận:	*26*	*26*	*26*
- Các thị trấn thuộc huyện:	*39*	*39*	*39*
- Các xã thuộc huyện:	39	52	65
c) Địa chính, xây dựng, đô thị:	26	26	26
d) Đối tượng quản lý đê nhân dân: Ngân sách hỗ trợ theo quy định và bố trí trong dự toán ngân sách xã hàng năm.			
9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:			
- Các phường thuộc quận Dương Kinh; các xã, thị trấn thuộc huyện:	*150*	*170*	*190*
- Các phường thuộc các quận còn lại:	*65*	*65*	*65*
10. Định mức phân bổ chi an ninh, quốc phòng:			
a) An ninh (Chi tuyên truyền, vận động phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy,...):	52	65	78
b) Quốc phòng (Chi cho công tác dân quân tự vệ, đăng ký nghĩa vụ quân sự,...):	65	78	91
11. Chi khác: xác định trên cơ sở tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức phân bổ, nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối ngân sách (0,5% tổng các khoản chi thường xuyên theo định mức phân bổ).			

Định mức trên bao gồm các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn; các khoản mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ thường xuyên; kinh phí hỗ trợ hoạt động của các Hội, các hoạt động cơ sở, phong trào,...

Định mức không bao gồm:

- Kinh phí chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng/người/tháng.

- Kinh phí Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2015 của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

- Kinh phí thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Kinh phí thực hiện chế độ cho lực lượng dân quân tự vệ theo quy định.

- Kinh phí phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Kinh phí tổ chức Đại hội các đoàn thể theo kế hoạch của thành phố.

- Kinh phí hỗ trợ các xã bị ô nhiễm môi trường do ảnh hưởng của các nhà máy sản xuất công nghiệp trên địa bàn./.